

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 03 - 2023
V/v ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly
hôn giữa anh A và chị O

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Mai Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 9, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Đinh Thị O, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: Xóm 9, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố số 2, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; địa chỉ: Số 2 LH, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Văn H – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Nam Định. (Theo văn bản uỷ quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Tổng giám đốc Agribank). Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 9, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm 9, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm Quang Hà, xã Hải Quang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A trình bày:

Anh kết hôn với chị Đinh Thị O ngày 29/11/2019, có đăng ký tại UBND xã H, huyện H. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm ăn ở Hà Nội khoảng 01 năm, sau đó về ở nhà mẹ đẻ anh tại xóm 9, xã H. Đến tháng 09/2020, vợ chồng thuê Cửa hàng bán đồ gia dụng tại xã H, huyện H. Kinh tế gia đình do chị O quản lý. Đến đầu năm 2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và chị O bỏ nhà đi. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong làm ăn kinh tế và trong cuộc sống chị O không tôn trọng anh và mẹ chồng. Đến tháng 04/2022 chị O làm đơn xin ly hôn, sau đó được Tòa án hoà giải lại rút đơn về nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân. Đến nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với chị Đinh Thị O.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 1,5 cây vàng 9999 và 30.000.000 đồng là quà mừng cưới. Sau khi tổ chức lễ cưới 01 ngày thì mẹ vợ là bà Nguyễn Thị T đã hỏi vay nhưng chỉ nói miệng. Tại đơn khởi kiện anh yêu cầu bà T trả lại số tiền, vàng trên để vợ chồng chia khi ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tuấn A đã xin rút yêu cầu đòi nợ đối với bà Nguyễn Thị T.

Về nợ chung: Tháng 10/2020, vợ chồng cần vốn để mở cửa hàng buôn bán đồ gia dụng nên đã nhờ mẹ anh là bà Trần Thị H cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay 200.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Phòng Giao dịch HA, chi nhánh huyện Hải Hậu. Khi ký hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng yêu cầu mẹ và em gái anh cùng vợ chồng anh ký tên người vay. Thực tế số tiền vay là do vợ chồng anh sử dụng toàn bộ để buôn bán, chị O là người quản lý, sử dụng số tiền vay để kinh doanh. Đến tháng 10/2022 do hết hạn vay nên anh nhờ mẹ anh vay hộ tiền của người quen trả toàn bộ số nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi, sau đó ký hợp đồng vay lại 200.000.000 đồng của Ngân hàng nhưng chỉ có anh, mẹ và em gái anh đứng tên ký vay do chị O đã bỏ nhà đi. Đến nay anh yêu cầu chị O phải trả cho anh 100.000.000 đồng tương ứng 1/2 số nợ Ngân hàng mà anh đã đi vay của người khác để trả.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2022, bị đơn chị Đinh Thị O trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Tuấn A về việc kết hôn, quá trình chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau nên sống ly thân từ tháng 02/2022. Đến nay chị xác định không còn tình cảm nên chị nhất trí ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Chị nhất trí vợ chồng chưa có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tuấn A khai mẹ đẻ chị bà Nguyễn Thị T vay của vợ chồng 30.000.000 đồng và 1,5 cây vàng sau khi cưới là không đúng. Chị khẳng định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết. Về việc anh Nguyễn Tuấn A khai vợ chồng nợ chung với mẹ chồng và em gái chồng tại Ngân hàng Nông nghiệp là 200.000.000 đồng thì chị không công nhận số nợ đó. Thực tế số tiền trên là do mẹ chồng vay để sử dụng vào mục đích gì thì chị không biết nhưng mẹ chồng bà Trần Thị H có bảo vợ chồng chị cùng đến Ngân hàng ký hồ sơ, chị được nghe cán bộ Ngân hàng giải thích nêu khi nào bà Trần Thị H không có khả năng trả nợ thì vợ chồng chị mới phải trả.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2022 và 22/02/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Tuấn A. Khoảng tháng 10/2020, vợ chồng anh Nguyễn Tuấn A đã hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà để vay vốn Ngân hàng làm ăn kinh tế và nhờ bà và con gái bà là chị Nguyễn Thị Lan A cùng đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phòng giao dịch xã H để ký hồ sơ vay số tiền 200.000.000 đồng theo hướng dẫn của cán bộ Ngân hàng. Bà nhận tiền do Ngân hàng giải ngân và giao lại toàn bộ tiền cho chị O cùng giấy tờ vay để chị O chịu trách nhiệm trả lãi cho Ngân hàng. Chị O trả lãi đến tháng 03/2022 thì dừng nên bà phải trả lãi thay từ tháng 04/2022. Đến tháng 10/2022 do hết hạn vay, Ngân hàng thúc giục thanh toán nên gia đình bà đã vay của người quen tất toán xong nợ cũ cho Ngân hàng để vay lại số tiền 200.000.000 đồng ngày 05/10/2022. Nay bà yêu cầu vợ chồng anh Tuấn A, chị O phải tự chịu trách nhiệm về toàn bộ số tiền đã vay Ngân hàng làm ăn buôn bán, do gia đình bà đã thanh toán xong nợ cũ cho Ngân hàng nên chị O phải trả cho anh Nguyễn Tuấn A 100.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 20/11/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Lan A trình bày: Vợ chồng anh Nguyễn Tuấn A, chị Đinh Thị O có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ chị là bà Trần Thị H vay Ngân hàng 200.000.000 đồng để kinh doanh. Khi làm thủ tục vay vốn thì chị cũng được yêu cầu ký vào hồ sơ thì mới được vay nhưng toàn bộ số tiền vay anh Tuấn Anh và chị O sử dụng, chị không có liên quan gì.

Tại bản tự khai ngày 17/02/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy trình bày: Bà là mẹ đẻ chị Đinh Thị O. Bà không giữ hộ tài sản nào của vợ chồng anh Nguyễn Tuấn A, chị Đinh Thị O và bà cũng không cho vợ chồng anh chị vay nợ. Việc anh Nguyễn Tuấn A khai có gửi bà giữ hộ tiền, vàng là không đúng.

Tại các văn bản số 321/2022/CV ngày 15/11/2022 và văn bản số 1134/NHNo.NĐ-KTNB ngày 24/11/2022, đại diện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày: Bà Trần Thị H, anh Nguyễn Tuấn A, chị Nguyễn Thị Lan A và chị Đinh Thị O có vay vốn tại Phòng giao dịch H - Agribank chi nhánh huyện H, Nam Định theo Hợp đồng tín dụng số 3207LAV202003406 ngày 15/10/2020, số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng và đã được giải ngân tiền vay ngày 15/10/2020. Tại Hợp đồng tín dụng trên thì bà Trần Thị H, anh Nguyễn Tuấn A, chị Nguyễn Thị Lan A và chị

Đinh Thị O đều có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng. Đến ngày 05/10/2022, bà Trần Thị H đã trả hết các khoản nợ trên và tất toán Hợp đồng tín dụng số 3207LAV202003406 ngày 15/10/2020. Ngày 06/10/2022, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Tuấn A và chị Nguyễn Thị Lan A có ký Hợp đồng tín dụng số 3207LAV202203147 vay số tiền 200.000.000 đồng. Do khách hàng đã trả hết nợ gốc và lãi đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 3207LAV202003406 ngày 15/10/2020 nên Ngân hàng không có ý kiến liên quan đến khoản vay nợ theo Hợp đồng tín dụng trên của bà Trần Thị H, anh Nguyễn Tuấn A, chị Nguyễn Thị Lan A và chị Đinh Thị O.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, đều đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 37, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 385, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cho ly hôn giữa Anh Nguyễn Tuấn A và chị Đinh Thị O. Buộc chị Đinh Thị O phải thanh toán cho anh Nguyễn Tuấn A số tiền 50.000.000 đồng. Các đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt toàn bộ các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Đinh Thị O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/11/2019 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm ăn tự do ở Hà Nội, sau đó về quê sống chung nhà với mẹ chồng tại xóm 9, xã Hải Anh cho đến tháng 02/2022 thì nảy sinh mâu thuẫn vợ chồng và mâu thuẫn giữa chị O với mẹ chồng. Nguyên nhân do bất đồng trong làm ăn kinh tế và quan hệ ứng xử khi sống chung với gia đình. Từ tháng 02/2022, vợ chồng sống ly thân. Đến nay anh Nguyễn Tuấn A và chị Đinh Thị O đều xác định tình cảm không còn, thống nhất việc ly hôn. Do đó cần giải quyết cho các bên được ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Đinh Thị O thống nhất, vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tuấn A trình bày, vợ chồng có gửi mẹ vợ là bà Nguyễn Thị T giữ hộ 30.000.000 đồng và 1,5 cây vàng 9999 sau khi cưới. Tuy nhiên bà Nguyễn

Thị T và chị Đinh Thị O đều không công nhận. Sau đó anh Nguyễn Tuấn A đã có lời khai xin rút lại yêu cầu đòi nợ đối với bà T. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu trên của Nguyên đơn.

[5] Về nghĩa vụ về tài sản:

[5.1] Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cung cấp thì ngày 15/10/2020, bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị Lan A, anh Nguyễn Tuấn A, chị Đinh Thị O đã vay số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3207LAV202003406 ngày 15/10/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 268/2020/HĐTC ngày 13/10/2020 và đến ngày 05/10/2022 đã tất toán xong khoản nợ trên với Ngân hàng.

[5.2] Anh Nguyễn Tuấn A, bà Trần Thị H và chị Nguyễn Thị Lan A đều cho rằng số tiền 200.000.000 đồng vay Ngân hàng nông nghiệp - Phòng giao dịch Hải Anh, Hải Hậu, Nam Định ngày 15/10/2020 là do vợ chồng anh Tuấn Anh, chị O vay để kinh doanh; còn chị Đinh Thị O thì cho rằng là do bà Trần Thị H vay sử dụng, chỉ nhờ vợ chồng chị ký tên hộ vào hồ sơ vay. Tuy nhiên các bên đương sự đều không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày trên. Xét thấy căn cứ hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản do Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cung cấp thì bà Trần Thị H, anh Nguyễn Tuấn A, chị Nguyễn Thị Lan A và chị Đinh Thị O đều ký tên dưới mục đại diện bên vay, đại diện bên thế chấp tài sản và thống nhất cử bà Trần Thị H là người đại diện. Theo ý kiến của Ngân hàng thì bà Trần Thị H, anh Nguyễn Tuấn A, chị Nguyễn Thị Lan A và chị Đinh Thị O đều có trách nhiệm trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó có đủ cơ sở khẳng định số tiền 200.000.000 đồng vay Ngân hàng ngày 15/10/2020 là nghĩa vụ trả nợ chung của bà H, anh Tuấn Anh, chị Lan A và chị O. Đến nay các đương sự không đưa ra được chứng cứ ai đã sử dụng số tiền vay trên nên xác định các đương sự có nghĩa vụ trả nợ như nhau, mỗi người là 50.000.000 đồng. Do đến hạn trả nợ, chị Đinh Thị O đã sống ly thân nên anh Nguyễn Tuấn A đã cùng mẹ đẻ vay tiền để tất toán số tiền nợ gốc và lãi vào ngày 05/10/2022, đến nay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cũng không có ý kiến gì về khoản nợ đã được tất toán. Nay anh Nguyễn Tuấn A yêu cầu chị Đinh Thị O phải trả lại anh số tiền đã trả nợ Ngân hàng là có căn cứ nhưng chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Tuấn A đối với số tiền chị O phải trả là 50.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A phải nộp án phí dân sự về việc ly hôn và bị đơn chị Đinh Thị O phải nộp án phí về nghĩa vụ trả nợ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 37, Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Tuấn A và chị Đinh Thị O.

2. Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu đòi nợ của anh Nguyễn Tuấn A đối với bà Nguyễn Thị T.

3. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc Thị Đinh Thị O phải trả cho anh Nguyễn Tuấn A số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ các khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Tuấn A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng; được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0006417 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh Nguyễn Tuấn A đã nộp đủ án phí.

Chị Đinh Thị O phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã H;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên